TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-ST
Ngày: 15-8-2025
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Phan Thị Thanh Dung.**
2. Bà **Nguyễn Thị Kim Cúc**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên toà: bà **Phạm Thị Việt Hà** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng (cơ sở 2) tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2025/TLST-DS ngày 29/5/2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐST - DS ngày 24 tháng 7 năm 2025, thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 03/TB-TA ngày 09/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPS, địa chỉ: N, phường X, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Bà NĐTD.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty SGTT. Địa chỉ liên hệ: địa chỉ: N, phường X, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Ông LNT, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: bà VTTT, Nhân viên Công ty SGTT (theo văn bản uỷ quyền số 7231/2024/UQ-TGĐ ngày 17/10/2024).

- Bị đơn: Bà LTNK, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn K, xã T, thành phố Đ.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/8/2018, Ngân hàng TMCPS (sau đây gọi là Ngân hàng) và bà LTNK có giao kết hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng. Hạn mức sử dụng thẻ 30.000.000 đồng. Số thẻ 436438-8985, lãi suất áp dụng 2.482%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ, bà LTNK đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc 56.265.400 đồng, bà LTNK đã thanh toán cho Ngân hàng được 77.328.245 đồng gồm gốc và lãi theo thứ tự thanh toán quy định tại Điều 20 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến thời điểm khởi kiện 28/11/2023, bà LTNK còn nợ lại ngân hàng 18.385.076 đồng, gồm nợ gốc 13.077.866 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/11/2023 là 5.307.210 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở việc trả nợ nhưng bà LTNK không trả, ngày 06/1/2023, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dung thẻ đối với bà LTNK và tiến hành làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà LTNK có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ nêu trên và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 29/11/2023 đến khi trả xong toàn bộ các khoản nợ theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng yêu cầu bà LTNK phải trả số nợ gốc 13.077.866 đồng, lãi tạm tính đến ngày 21/7/2025 là 15.061.440 đồng, tổng cộng 28.139.306 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận tại hợp đồng.

Bị đơn LTNK trình bày tại hồ sơ: Khoảng năm 2018, bà LTNK và Ngân hàng TMCPS có giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Hạn mức cấp thẻ tín dụng theo hợp đồng là 30.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà LTNK chỉ sử dụng giao dịch khoảng 03 lần với số tiền mỗi lần dưới 1 triệu và thanh toán lại cho Ngân hàng đúng hạn. Tuy nhiên không rõ vì lý do gì số tiền phát sinh theo sao kê của Ngân hàng vượt quá số tiền giao dịch mà bà LTNK nhớ. Theo bà LTNK thì tài khoản thẻ tín dụng của bà LTNK tại Ngân hàng TMCPS có thể đã bị hack hoặc lộ thông tin và ai đó khác đã sử dụng tài khoản thẻ của bà để giao dịch làm phát sinh số tiền nợ vượt quá khả năng thanh toán của bà. Nhưng do bà LTNK không có chứng cứ chứng minh tài khoản thẻ bị người khác sử dụng nên không yêu cầu làm rõ gì đối với việc này. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả nợ gốc 13.077.866 đồng và lãi tạm tính đến ngày 21/7/2025 là 15.061.440 đồng thì bà LTNK đồng ý tuy nhiên đề nghị Ngân hàng xem xét miễn tiền lãi và cho bà LTNK thời gian hợp lý để thu xếp trả nợ gốc 13.077.866 đồng vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Ngoài ra bà LTNK đề nghị cho bà được vắng mặt trong trình toà án xét xử, giải quyết vụ án do bận đi làm ăn xa, không thể tham gia tại Toà án khi toà triệu tập được. Bà không có ý kiến gì về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà LTNK phải trả cho nguyên đơn nợ gốc 13.077.866 đồng, nợ lãi tính đến ngày 21/7/2025 là 15.061.440 đồng. Tổng số tiền bà LTNK phải trả cho Ngân hàng TMCPS là 28.139.306 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 22/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại

Hợp đồng. Bà LTNK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là tổ chức tín dụng đã nộp đơn và các chứng cứ theo quy định, khởi kiện bà LTNK, địa chỉ: Thôn K, xã T, thành phố Đ yêu cầu trả tiền vay và lãi vay. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

[2] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn và VTTT và bị đơn LTNK có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên phiên tòa xét xử vụ án vẫn được tiến hành vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Các bên đương sự thừa nhận giữa Ngân hàng TMCPS và bà LTNK có giao kết hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Hạn mức sử dụng thẻ 30.000.000 đồng. Số thẻ 436438-8985, lãi suất áp dụng 2.482%/ tháng. Bà LTNK thừa nhận quá trình sử dụng thẻ, tạm tính đến ngày 21/7/2025 bà còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc 13.077.866 đồng và lãi như Ngân hàng yêu cầu. Việc bà LTNK không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thoả thuận giữa hai bên cũng như Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc Ngân hàng yêu cầu bà LTNK phải trả số nợ gốc 13.077.866 đồng, lãi tạm tính đến ngày 21/7/2025 là 15.061.440 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong toàn bộ các khoản nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà LTNK phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 (điều 99, 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPS về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" với bà LTNK.

1/ Buộc bà LTNK phải trả cho Ngân hàng TMCPS số nợ gốc 13.077.866 đồng, nợ lãi tính đến ngày 21/7/2025 là 15.061.440 đồng. Tổng số tiền bà LTNK phải trả cho Ngân hàng TMCPS là 28.139.306 đồng.

Kể từ ngày 22/7/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên

thỏa thuận theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) được giao kết giữa bà LTNK và Ngân hàng TMCPS cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm 1.406.965 (*một triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn chín trăm sáu mươi lăm*) đồng bà LTNK phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCPS số tiền tạm ứng án phí 459.627 đồng theo biên lai thu số 0044178 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thuỳ

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND KV5-Đà Nẵng;*
- *THA thành phố Đà Nẵng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*